

ĐIỀU KHOẢN, ĐIỀU KIỆN CHUNG
VỀ MỞ VÀ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN THANH TOÁN
(Dành cho khách hàng tổ chức)

I. PHẠM VI ÁP DỤNG

Điều khoản, Điều kiện chung về mở và sử dụng tài khoản thanh toán này (sau đây gọi là “**ĐKĐK**”) được áp dụng đối với khách hàng tổ chức mở tài khoản và sử dụng dịch vụ do ABBANK cung cấp. Ngoài ra, đối với một số sản phẩm và dịch vụ có thể có những Điều khoản và Điều kiện đặc thù được áp dụng riêng. Các Điều khoản và Điều kiện đó là một phần không tách rời của ĐKĐK này.

II. ĐỊNH NGHĨA

1. **ABBANK/NH:** Là ABBANK TMCP An Bình.
2. **Khách hàng (KH):** là tổ chức mở tài khoản thanh toán tại ABBANK.
3. **Người đại diện hợp pháp (của tổ chức mở TKTT):** là người đại diện theo Pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của tổ chức mở TKTT, thay mặt tổ chức đó thực hiện các giao dịch liên quan đến tài khoản thanh toán trong phạm vi đại diện.
4. **Chủ sở hữu hưởng lợi:** là cá nhân có quyền sở hữu trên thực tế một hoặc một số tài sản, có quyền chi phối KH thực hiện giao dịch liên quan đến tài sản cho cá nhân này; là cá nhân có quyền chi phối một pháp nhân hoặc một thỏa thuận pháp lý.
5. **Tài khoản thanh toán (TKTT):** Là tài khoản tiền gửi không kỳ hạn của KH mở tại ABBANK để sử dụng các dịch vụ thanh toán do ABBANK cung ứng.
6. **TKTT của tổ chức (sau đây gọi tắt là “TKTT”):** Là TKTT do khách hàng là tổ chức đứng tên mở tài khoản. Chủ tài khoản là tổ chức mở tài khoản.
7. **Tài khoản thanh toán chung (TKTTC):** Là TKTT có ít nhất hai chủ thể trở lên cùng là chủ tài khoản. Chủ TKTTC có thể là tổ chức và/hoặc cá nhân. Mục đích sử dụng TKTTC, quyền và nghĩa vụ của các chủ TKTTC và các quy định liên quan đến việc sử dụng TKTTC phải được xác định rõ bằng văn bản.
8. **Số dư tối thiểu:** Là số tiền tối thiểu KH phải nộp lần đầu tiên khi mở TKTT và phải duy trì trên TKTT tại mọi thời điểm, trừ trường hợp ABBANK có thông báo khác.
9. **Số dư được phép sử dụng:** Là số tiền KH có thể rút tiền mặt hoặc chuyển khoản theo thông báo của ABBANK. Số dư được phép sử dụng bằng số dư có trên TKTT trừ đi các khoản phong tỏa, trừ đi số dư tối thiểu (nếu có) và cộng hạn mức thấu chi sử dụng (nếu có).
10. **Lãi suất TKTT:** Số dư trên TKTT được hưởng lãi suất tiền gửi không kỳ hạn. Mức lãi suất không kỳ hạn dành cho TKTT được ABBANK quy định theo từng thời kỳ.
11. **Ngày làm việc:** Là bất kỳ ngày nào mà ABBANK mở cửa làm việc trừ các ngày nghỉ cuối tuần và các ngày lễ, tết và các ngày nghỉ khác theo quy định của pháp luật Việt Nam và thông báo của ABBANK.

12. **Điểm giao dịch:** Là các chi nhánh/phòng giao dịch hợp pháp của ABBANK trên toàn quốc.
13. **Phong tỏa:** Phong tỏa là việc ABBANK giữ một phần hoặc toàn bộ số tiền hiện tại trên TKTT của KH theo yêu cầu của KH hoặc theo thỏa thuận trước giữa khách hàng và ABBANK hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật hoặc các trường hợp khác theo quy định của ABBANK phù hợp với quy định của Pháp luật.
14. **Đóng tài khoản:** Là việc ABBANK đóng hồ sơ TKTT của KH. TKTT sau khi đóng không còn giá trị sử dụng.
15. **Dịch vụ:** Là các sản phẩm và tiện ích mà KH đăng ký và được ABBANK chấp thuận cung cấp, theo các quy định và điều kiện của ABBANK trong từng thời kỳ.

III. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Thu thập, sử dụng và bảo mật thông tin KH

Bằng việc mở, sử dụng TKTT và các dịch vụ của ABBANK, KH đồng ý rằng ABBANK sẽ thu thập, sử dụng và cung cấp thông tin KH theo quy định tại ĐKĐK này phù hợp với quy định của Pháp luật từng thời kỳ.

Xử lý dữ liệu cá nhân

- a) Dữ liệu cá nhân (“**DLCN**”) bao gồm dữ liệu cá nhân cơ bản và dữ liệu cá nhân nhạy cảm, là các thông tin, dữ liệu về cá nhân dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự trên môi trường điện tử gắn liền với một cá nhân cụ thể hoặc giúp xác định một con người cụ thể hoặc liên quan đến việc định danh hoặc có thể định danh một cá nhân cụ thể.
- b) DLCN bao gồm:
 - DLCN cơ bản: gồm Họ, chữ đệm và tên khai sinh, tên gọi khác (nếu có); Ngày, tháng, năm sinh; ngày, tháng, năm chết hoặc mất tích; Giới tính; nơi thường trú, nơi tạm trú, nơi ở hiện tại, quê quán, địa chỉ liên hệ; Quốc tịch; Hình ảnh của cá nhân; Số điện thoại, số chứng minh nhân dân, số định danh cá nhân, số hộ chiếu; Thông tin về mối quan hệ gia đình (cha mẹ, con cái); Thông tin về tài khoản số của cá nhân; DLCN phản ánh hoạt động, lịch sử hoạt động trên không gian mạng; Các thông tin khác gắn liền với KH hoặc giúp xác định KH một cách cụ thể mà theo quy định pháp luật tại từng thời điểm được định nghĩa là DLCN cơ bản được ABBANK thu thập và/hoặc KH đã cung cấp, yêu cầu điều chỉnh tại từng thời điểm mà không thuộc phạm vi của DLCN nhạy cảm dưới đây.
 - DLCN nhạy cảm: là DLCN gắn liền với quyền riêng tư của cá nhân mà khi bị xâm phạm sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp tới quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân gồm: thông tin tín dụng, thông tin định danh, thông tin sinh trắc học, thông tin về tài khoản, thông tin về tiền gửi, thông tin về tài sản gửi, thông tin về giao dịch, thông tin về tổ chức, cá nhân là bên bảo đảm tại tổ chức tín dụng, điểm giao dịch ABBANK, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán; Dữ liệu về vị trí của cá nhân được xác định qua dịch vụ định vị; DLCN khác được pháp luật quy định

DLCN nhạy cảm được ABBANK thu thập và/hoặc KH đã cung cấp, yêu cầu điều chỉnh tại từng thời điểm.

- DLCN bao gồm dữ liệu của người đại diện hợp pháp, kế toán trưởng/người phụ trách kế toán, Tổng giám đốc, người thụ hưởng, chủ sở hữu hưởng lợi, ... của KH và/hoặc cá nhân bất kỳ có liên quan đến việc mở và sử dụng TKTT (“**Chủ thể DLCN**”).
- c) Cách thức thu thập DLCN:
 - Thu thập trực tiếp từ KH:
 - Thu thập từ ứng dụng di động: ABBANK thực hiện thu thập thông tin KH khi KH bắt đầu tải, cài đặt và trong quá trình sử dụng ứng dụng di động.
 - Thu thập từ trang điện tử/website: ABBANK thu thập thông tin KH khi KH có sự truy cập vào trang điện tử của ABBANK
 - Thu thập từ đăng ký & trong quá trình sử dụng dịch vụ của KH: ABBANK thu thập DLCN khi KH đăng ký & sử dụng bất kỳ dịch vụ nào của ABBANK.
 - Thu thập khác: ABBANK thu thập (i) trong quá trình trao đổi, liên hệ với KH (gặp trực tiếp, email, điện thoại, thông qua các cuộc khảo sát...); (ii) trong quá trình tương tác dữ liệu tự động (cookie, plug-in...); (iii) thông qua sự tương tác của KH với bất kỳ hệ thống, phương tiện nào khác của ABBANK.
 - Nhận từ bên thứ 3:
 - ABBANK có thể thu thập từ các nguồn dữ liệu công khai.
 - ABBANK thu thập qua các bên cung cấp dịch vụ thanh toán khi KH lựa chọn thanh toán điện tử.
 - Tiếp nhận từ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
 - Mục đích xử lý DLCN:
 - Tuân thủ các quy định của pháp luật, cơ quan nhà nước có thẩm quyền và ABBANK.
 - Phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tuân thủ cấm vận hoặc gửi cho cơ quan có thẩm quyền theo từng thời kỳ.
 - Phân tích nhằm cung cấp, phục vụ, cải tiến sản phẩm, dịch vụ, nâng cao chất lượng, đáp ứng tốt nhu cầu KH; quản lý & triển khai các chương trình khuyến mại, ưu đãi và hỗ trợ từ ABBANK; quảng cáo sản phẩm, dịch vụ tới KH theo nhu cầu, sở thích của KH; thực hiện các khảo sát với KH về nhu cầu, chất lượng dịch vụ...
 - Xác minh danh tính, đảm bảo sự an toàn và bảo mật DLCN, bảo vệ KH khỏi sự gian lận và các hoạt động bất hợp pháp khác
 - Thông báo sự thay đổi về sản phẩm, dịch vụ, chính sách của ABBANK
 - Đảm bảo an ninh; đảm bảo chất lượng dịch vụ; phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hoạt động/giao dịch đáng ngờ/không phù hợp/ngghi ngờ gian lận/ngghi ngờ

- giả mạo với dịch vụ, hành vi vi phạm pháp luật; điều tra theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước.
- Mục đích khác phục vụ nhu cầu kinh doanh của ABBANK theo quy định pháp luật.
- Cung cấp DLCN: ABBANK sẽ cung cấp, chia sẻ và sử dụng DLCN cho các bên liên quan gồm:
- Cán bộ nhân viên, cộng tác viên, đại lý, đối tác, công ty con, công ty liên kết... của ABBANK nhằm phục vụ các mục đích nêu tại điểm c khoản này.
 - Đối tác mà ABBANK có thỏa thuận hợp tác nhằm cung cấp, phân phối sản phẩm, dịch vụ cho KH; đối tác cung cấp dịch vụ vận hành cho ABBANK (vận hành ứng dụng trên điện thoại, đơn vị thực hiện khảo sát KH....).
 - Trong quá trình sử dụng dịch vụ, KH đồng ý rằng ABBANK được chủ động đề xuất dịch vụ, sản phẩm mới/thêm cho KH. KH đồng ý và cho phép ABBANK tìm kiếm thông tin liên quan đến KH từ bất kỳ bên thứ ba nào theo các quy định của ABBANK.
- Lưu trữ DLCN: Việc lưu trữ DLCN được ABBANK thực hiện nhằm thực hiện các mục đích nêu tại điểm c.
- d) Khách hàng cam kết đã được sự đồng ý của các chủ thể DLCN:
- Cho phép KH được quyền sử dụng, trao đổi, cung cấp cho ABBANK để ABBANK được xử lý DLCN phục vụ cho các mục đích xử lý DLCN;
 - Đã được thông báo đến chủ thể DLCN trước khi tiến hành xử lý và được sự đồng ý của chủ thể DLCN này (trừ trường hợp việc xử lý DLCN không cần sự đồng ý của chủ thể DLCN theo quy định của pháp luật);
 - Đã được chủ thể DLCN đồng ý để các bên được toàn quyền cập nhật, chỉnh sửa DLCN theo thông báo thay đổi mà chủ thể DLCN đó đã cung cấp cho KH;
 - Cung cấp cho ABBANK các tài liệu, chứng từ chứng minh sự đồng ý của chủ thể DLCN ngay sau khi có yêu cầu từ ABBANK hoặc theo yêu cầu của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- e) Khách hàng cam kết và bảo đảm việc xử lý DLCN của mình tuân thủ các nguyên tắc bảo vệ DLCN theo quy định của pháp luật về bảo vệ DLCN. Đồng thời bảo đảm có đủ tài liệu, chứng từ chứng minh sự tuân thủ của mình đối với các nguyên tắc xử lý dữ liệu này khi được ABBANK và/hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.
- f) Trong trường hợp Khách hàng tiếp nhận yêu cầu rút lại sự đồng ý/chỉnh sửa/xóa dữ liệu/hạn chế xử lý dữ liệu của chủ thể DLCN, Khách hàng phải thông báo bằng văn bản cho ABBANK.
- g) Trong trường hợp chủ thể DLCN thực hiện quyền rút lại sự đồng ý/chỉnh sửa/xóa dữ liệu/hạn chế xử lý dữ liệu với ABBANK, ABBANK sẽ thực hiện theo yêu cầu của chủ thể DLCN theo quy định của pháp luật mà không cần phải thông báo cho Khách hàng.

Tùy thuộc vào mức độ ảnh hưởng của DLCN bị rút lại sự đồng ý/chỉnh sửa/xóa, ABBANK có thể sẽ phải đơn phương chấm dứt cung cấp dịch vụ cho Khách hàng.

- h) KH đồng ý và thừa nhận rằng việc rút lại sự đồng ý/chỉnh sửa/xóa dữ liệu của chủ thể DLCN không làm ảnh hưởng đến tính hợp pháp của việc xử lý DLCN mà ABBANK đã thực hiện trước đó. Mọi thông tin, dữ liệu mà ABBANK có được từ việc xử lý DLCN trước đó, không buộc phải chấm dứt việc sử dụng và/hoặc phải xóa/hoàn trả lại cho Khách hàng và/hoặc chủ thể dữ liệu.
- i) Trường hợp Khách hàng bị chủ thể DLCN khiếu nại, tố cáo, khởi kiện và/hoặc bồi thường thiệt hại, Khách hàng sẽ tự chịu trách nhiệm và giải quyết vấn đề bằng chi phí của mình, đồng thời, giữ cho ABBANK không bị ảnh hưởng và được miễn trừ mọi nghĩa vụ phát sinh (nếu có), trừ trường hợp việc khiếu nại, tố cáo, khởi kiện và/hoặc bồi thường thiệt hại của chủ thể DLCN đó phát sinh do lỗi của ABBANK.
- j) Các nội dung khác liên quan đến quan đến việc xử lý DLCN, quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ được ABBANK thực hiện và tuân thủ theo đúng thỏa thuận giữa Khách hàng và ABBANK và Chính Sách Bảo Mật Và Bảo Vệ Dữ Liệu Cá Nhân (“**Chính Sách**”) được đăng tải trên thông tin điện tử (“**Trang Web**”) của ABBANK tại <https://www.abbank.vn> và/hoặc các ứng dụng được ABBANK cung cấp (“**Ứng Dụng**”). ABBANK được toàn quyền cập nhật nội dung Chính Sách tại từng thời điểm và do đó, Khách hàng có nghĩa vụ phải thường xuyên kiểm tra trên Trang Web và/hoặc Ứng Dụng của ABBANK để bảo đảm rằng Khách hàng biết về những cập nhật gần nhất; đồng thời cập nhật cho chủ thể DLCN hiểu biết đầy đủ về thỏa thuận với ABBANK và Chính Sách của ABBANK liên quan đến xử lý DLCN.

Điều 2. Phí giao dịch TKTT

- 2.1.** Phí giao dịch liên quan đến TKTT được thu theo biểu phí dịch vụ ABBANK ban hành từng thời kỳ phù hợp với quy định của Pháp luật, được công bố trên website chính thức của ABBANK và/hoặc niêm yết công khai tại điểm giao dịch của ABBANK và/hoặc các hình thức khác mà ABBANK cho là phù hợp.
- 2.2.** Tùy theo từng loại giao dịch và/hoặc dịch vụ cụ thể, ABBANK sẽ thực hiện thu phí từ KH theo gói dịch vụ, loại giao dịch, giá trị giao dịch, số lượng giao dịch, đối tượng KH, ... và được thu trên từng giao dịch hoặc thu định kỳ hoặc thu tự động hoặc thu theo thỏa thuận riêng với KH theo quy định của ABBANK ban hành từng thời kỳ.
- 2.3.** Phí giao dịch liên quan đến TKTT và/hoặc phí dịch vụ được ABBANK thu bằng cách trích tiền từ TKTT của KH tại ABBANK. Trước khi thực hiện giao dịch, KH cần đảm bảo rằng TKTT của mình có đủ số dư được phép sử dụng để thực hiện giao dịch và thanh toán phí.
- 2.4.** Đối với các khoản phí được thu tự động, ABBANK sẽ thu từ TKTT đã đăng ký thu phí hoặc TKTT phát sinh phí hoặc TK liên kết thẻ (đối với dịch vụ thẻ). Trường hợp tại thời điểm thu phí, TKTT này không đủ số dư thì ABBANK có quyền trích tiền từ TKTT khác của KH tại ABBANK hoặc yêu cầu KH thanh toán cho ABBANK bằng hình thức khác. KH cam kết sẽ thanh toán đầy đủ các loại phí giao dịch liên quan đến TKTT và/hoặc phí dịch vụ cho ABBANK trong phạm vi và thời hạn được yêu cầu.

- 2.5.** ABBANK có thể thay đổi biểu phí trong từng thời kỳ và thông báo cho KH bằng một trong các phương thức sau theo thông tin KH đã đăng ký với ABBANK: trao đổi trực tiếp; gọi điện thoại; văn bản; email; gửi tin nhắn qua hệ thống dịch vụ của ABBANK; gửi tin nhắn SMS đến số điện thoại; công bố trên website của ABBANK; niêm yết tại các điểm giao dịch của ABBANK.
- 2.6.** KH có thể bị tính phí bởi các nhà cung cấp dịch vụ khác khi KH tải và sử dụng ứng dụng trên thiết bị của mình. Trong trường hợp này, ABBANK không chịu trách nhiệm về bất kỳ khoản phí nào phát sinh cho KH (nếu có).

Điều 3. Thông báo

- 3.1.** Việc cung cấp thông tin cho KH biết về: số dư và các giao dịch phát sinh trên TKTT; việc TKTT bị phong tỏa, đóng; thời điểm hết hạn hiệu lực, hạn sử dụng của giấy tờ pháp lý trong hồ sơ mở TKTT và các thông tin cần thiết khác trong quá trình sử dụng TKTT sẽ được ABBANK thực hiện bằng một trong các phương thức sau theo thông tin KH đã đăng ký với ABBANK (trừ trường hợp pháp luật có quy định khác): trao đổi trực tiếp; gọi điện thoại; văn bản; email; gửi tin nhắn qua hệ thống dịch vụ của ABBANK; gửi tin nhắn SMS đến số điện thoại.
- 3.2.** KH có nghĩa vụ bảo mật những thông tin được ABBANK gửi cho KH. KH chịu mọi thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho ABBANK và/hoặc bên thứ ba (nếu có) trong trường hợp KH để lộ những thông tin này

Điều 4. Tra soát, khiếu nại

- 4.1.** Hình thức tiếp nhận tra soát, khiếu nại: KH có thể yêu cầu tra soát, khiếu nại qua tổng đài trực tiếp của ABBANK (có ghi âm) hoặc tại điểm giao dịch bất kỳ của ABBANK hoặc hình thức khác theo quy định của ABBANK từng thời kỳ.
- 4.2.** Thời gian gửi yêu cầu tra soát:
- a) Đối với yêu cầu tra soát qua điện thoại: KH bổ sung phiếu yêu cầu tra soát/khiếu nại trong vòng 48 giờ kể từ thời điểm tổng đài tiếp nhận thông tin.
 - b) Đối với tra soát tại quầy: KH thực hiện phiếu yêu cầu tra soát/khiếu nại tại quầy.
 - c) KH được quyền đề nghị tra soát, khiếu nại trong vòng 60 ngày kể từ ngày phát sinh giao dịch yêu cầu tra soát.
- 4.3.** Thời gian xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại:
- a) ABBANK sẽ xử lý yêu cầu tra soát, khiếu nại trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận yêu cầu khiếu nại của KH. Thời điểm được xem là ABBANK tiếp nhận yêu cầu khiếu nại của KH là thời điểm KH gửi yêu cầu theo một trong các phương thức tiếp nhận của ABBANK và cung cấp đủ thông tin để ABBANK xác minh được KH hoặc người được ủy quyền (nếu có).
 - b) Trong trường hợp hết thời hạn nêu trên mà ABBANK vẫn chưa xác định được nguyên nhân hay lỗi thuộc bên nào thì trong vòng 15 ngày làm việc tiếp theo, ABBANK thỏa thuận với KH về phương án xử lý, nếu không thỏa thuận được phương án xử lý thì việc giải quyết tranh chấp được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- c) Trường hợp phát hiện vụ việc có dấu hiệu tội phạm, ABBANK và/hoặc KH thực hiện tố giác, báo tin cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền; đồng thời, thông báo bằng văn bản cho KH về tình trạng xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại. Trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo kết quả giải quyết không có yếu tố tội phạm, trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày có kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, ABBANK thỏa thuận với KH về phương án xử lý kết quả tra soát, xử lý khiếu nại.

Điều 5. Điều khoản miễn trừ trách nhiệm của ABBANK

ABBANK được miễn trách nhiệm khi xảy ra các trường hợp sau:

- 5.1.** Khi xảy ra bất cứ sự kiện bất khả kháng nào bao gồm các sự cố hoặc lỗi về kỹ thuật, công nghệ, đường truyền, thiết bị, mất điện, vi rút, hệ thống bị tấn công, thiên tai, bệnh dịch, các hoạt động phá hoại, đình công, biểu tình; sự thay đổi về chính sách, quy định của pháp luật hoặc các yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, ... xảy ra một cách khách quan, nằm ngoài tầm kiểm soát, không thể lường trước được của ABBANK và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép (sau đây gọi là “**Sự kiện bất khả kháng**”).
- 5.2.** Khi phát sinh sự sai sót, nhầm lẫn, từ chối thực hiện giao dịch, chậm trễ thực hiện giao dịch trong trường hợp: KH không cung cấp đủ chứng từ theo quy định của ABBANK; hoặc KH cung cấp thông tin không chính xác; hoặc số tiền còn lại trong TKTT của KH không đủ để thực hiện giao dịch thanh toán hoặc vượt hạn mức thanh toán.
- 5.3.** Khi ABBANK chủ động tạm ngưng giao dịch, trì hoãn giao dịch hoặc áp dụng các hạn chế khác nhằm tuân thủ quy định pháp luật, đảm bảo an toàn hoạt động của TKTT, đảm bảo quyền lợi của KH.
- 5.4.** Đối với những thiệt hại của KH phát sinh trong quá trình sử dụng TKTT, trừ khi những thiệt hại, mất mát này do lỗi của ABBANK

Điều 6. Hiệu lực của Điều khoản và điều kiện chung này

- 6.1.** ĐKĐK này, các Phụ lục, văn bản thỏa thuận khác có liên quan ký kết giữa ABBANK và KH tạo thành một tổng thể thống nhất của thỏa thuận mở, sử dụng TKTT giữa KH và ABBANK. ĐKĐK này có hiệu lực với KH đăng ký mở TKTT cho đến khi KH đóng TKTT hoặc khi ABBANK ngừng cung cấp dịch vụ.
- 6.2.** Trường hợp một hoặc một số điều khoản được quy định tại ĐKĐK này bị vô hiệu do cơ chế, chính sách pháp luật từng thời kỳ hoặc các trường hợp khác thì việc vô hiệu của các điều khoản này không làm ảnh hưởng tới hiệu lực của các điều khoản khác của ĐKĐK này trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.
- 6.3.** KH đã đọc, hiểu rõ và đồng ý với nội dung của ĐKĐK này.
- 6.4.** Điều khoản điều kiện chung này là một phần không tách rời của Hợp đồng mở, sử dụng TKTT. Hợp đồng mở, sử dụng TKTT được giải thích và điều chỉnh theo quy định của pháp luật Việt nam. Trong trường hợp có mâu thuẫn về nội dung giữa tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung tiếng Việt có giá trị sử dụng.

6.5. KH đồng ý rằng các quy định về mở sử dụng TKTT liên quan đến TKTT không nêu tại ĐKĐK này thì thực hiện theo quy định pháp luật và các quy định hiện hành khác của ABBANK.

Điều 7. Thay đổi, Sửa đổi, bổ sung nội dung Điều khoản và điều kiện chung

7.1. KH đồng ý rằng:

- a) ABBANK được quyền sửa đổi, thay thế hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào của ĐKĐK này phù hợp với quy định của pháp luật, chính sách của ABBANK (bao gồm nhưng không giới hạn bởi: Điều khoản & điều kiện sử dụng Dịch vụ, biểu phí sử dụng, lãi suất ...) vào bất kỳ thời điểm nào và vì bất kỳ lý do gì mà không cần được sự đồng ý trước của KH;
- b) Khi có sự sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, ABBANK sẽ thông báo bằng một trong các phương thức sau theo thông tin KH đã đăng ký với ABBANK: trao đổi trực tiếp; gọi điện thoại; văn bản; email; gửi tin nhắn qua hệ thống dịch vụ của ABBANK; gửi tin nhắn SMS đến số điện thoại; công bố trên website của ABBANK; niêm yết tại các điểm giao dịch của ABBANK;
- c) Những sửa đổi, bổ sung này ràng buộc KH thực hiện nếu KH tiếp tục sử dụng TKTT sau khi sửa đổi, bổ sung có hiệu lực. Trong trường hợp chủ tài khoản không đồng ý với những sửa đổi, bổ sung này thì có quyền đóng TKTT và ngay lập tức thông báo bằng văn bản cho ABBANK. Việc KH tiếp tục sử dụng TKTT hoặc không sử dụng nhưng không liên hệ với ABBANK để đóng TKTT sau khi ABBANK sửa đổi ĐKĐK này có nghĩa là KH chấp nhận hoàn toàn sửa đổi, bổ sung đó và chịu sự ràng buộc của ĐKĐK được sửa đổi.

7.2. ABBANK có quyền thay đổi hình thức thông báo, liên lạc với KH nhưng vẫn tuân thủ các ĐKĐK này.

7.3. KH có trách nhiệm theo dõi, cập nhật các quy định, quy trình, nội dung về dịch vụ và ĐKĐK này; đồng thời duy trì các phương tiện, công cụ, địa chỉ để tiếp nhận thông tin do ABBANK thông báo.

Điều 8. Luật điều chỉnh, giải quyết tranh chấp

8.1. Các quy định không được quy định trong Điều khoản và điều kiện chung này, các Bên thống nhất thực hiện theo quy định của ABBANK và pháp luật.

8.2. Hai bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ nội dung được quy định tại Điều khoản và điều kiện chung này. Nếu có bất kỳ tranh chấp nào phát sinh hoặc liên quan đến việc mở và sử dụng TKTT giữa KH và ABBANK thì KH và ABBANK sẽ ưu tiên cùng nhau giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải trên tin thần hợp tác, bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau. Trường hợp hòa giải không thành, các Bên có quyền đưa tranh chấp ra Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết theo quy định của Pháp luật Việt Nam.

8.3. Trường hợp khiếu nại của KH không liên quan đến lỗi của NH, KH sẽ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc xử lý khiếu nại theo quy định của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

IV. QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ MỞ, SỬ DỤNG TKTT

Điều 9. Mở TKTT

- 9.1.** KH cung cấp đầy đủ, chính xác cho ABBANK những thông tin trong hồ sơ TKTT, các thông tin bổ sung theo yêu cầu của ABBANK.
- 9.2.** KH khai báo tên TKTT như sau:
- a) Tên TKTT: Tên TKTT của tổ chức phải bao gồm tên của tổ chức trên giấy phép thành lập, quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ chứng minh tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp (*Lưu ý ghi tên đúng và đầy đủ theo các giấy tờ này*).
 - b) Tên TKTT chung: Tên TKTT chung đặt trên cơ sở thể hiện được tên của các chủ tài khoản và không trùng với tên TKTT của các cá nhân, tổ chức khác. KH ghi theo cấu trúc: TKC - Tên tổ chức – Tên cá nhân.
- 9.3.** Người đại diện hợp pháp cam kết và chịu trách nhiệm với ABBANK đối với các thông tin do mình cung cấp liên quan đến hồ sơ mở TKTT.

Điều 10. Quản lý và sử dụng TKTT:

- 10.1.** KH được sử dụng TKTT để nộp, rút tiền mặt và yêu cầu ABBANK cung ứng dịch vụ thanh toán hợp lệ qua TKTT như: cung ứng phương tiện thanh toán, thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, chuyển tiền, thu hộ, chi hộ và các dịch vụ gia tăng khác phù hợp với quy định của pháp luật.
- 10.2.** KH sử dụng TKTT trong số dư được phép sử dụng và hạn mức giao dịch theo thông báo của ABBANK tại thời điểm mở TKTT và theo thông báo của ABBANK trong từng thời kỳ;
- 10.3.** KH chỉ được thực hiện rút tiền, giao dịch thanh toán bằng phương tiện điện tử trên TKTT khi đã hoàn thành việc đối chiếu khớp đúng giấy tờ tùy thân và thông tin sinh trắc học, dữ liệu sinh trắc học của người đại diện hợp pháp.
- 10.4.** KH phải áp dụng các biện pháp xác thực đối với từng loại giao dịch trong thanh toán bằng phương tiện điện tử theo quy định của ABBANK từng thời kỳ.
- 10.5.** KH sử dụng TKTT bằng đồng Việt Nam của người không cư trú, người cư trú là cá nhân nước ngoài và TKTT bằng ngoại tệ phải tuân thủ theo các quy định pháp luật về quản lý ngoại hối.
- 10.6.** Khi thực hiện giao dịch trên TKTT tại điểm giao dịch của ABBANK, người giao dịch của KH phải xuất trình giấy tờ tùy thân và thực hiện các giao dịch theo quy định của ABBANK; chứng từ giao dịch phải được lập hợp pháp, hợp lệ và bao gồm hồ sơ chứng minh giao dịch theo quy định hiện hành của Pháp luật và ABBANK.
- 10.7.** Việc sử dụng TKTTTC và ủy quyền sử dụng TKTTTC phải thực hiện theo đúng các nội dung cam kết và thỏa thuận tại văn bản thỏa thuận (hoặc hợp đồng) quản lý và sử dụng TKTTTC của các chủ tài khoản và phải tuân theo các nguyên tắc sau:
- a) Các chủ TKTTTC có quyền và nghĩa vụ ngang nhau đối với TKTTTC và việc sử dụng TKTTTC phải được sự chấp thuận của tất cả các chủ TKTTTC đã đăng ký với ABBANK. Mỗi chủ TKTTTC phải chịu trách nhiệm thanh toán cho toàn bộ các nghĩa vụ nợ phát sinh từ việc sử dụng TKTTTC.

- b) Từng chủ TKTTTC có thể ủy quyền cho người khác (bao gồm chủ TKTTTC còn lại) thay mặt mình sử dụng TKTTTC nhưng phải được sự đồng ý bằng văn bản của tất cả các chủ TKTTTC còn lại và phải có xác nhận của ABBANK.
- c) Trường hợp các chủ TKTTTC có quốc tịch, tình trạng cư trú khác nhau thì TKTTTC chỉ được sử dụng trong phạm vi được phép của tất cả các chủ TKTTTC theo quy định pháp luật về quản lý ngoại hối.
- d) Trường hợp một trong các chủ thể đứng tên mở TKTTTC là cá nhân bị chết, bị tuyên bố là đã chết, bị tuyên bố mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự; chủ thể đứng tên mở TKTTTC là tổ chức bị giải thể, phá sản, tổ chức lại doanh nghiệp hoặc chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật thì quyền sử dụng TKTTTC và nghĩa vụ phát sinh từ việc sử dụng TKTTTC được giải quyết theo quy định của pháp luật.
- e) Mỗi chủ TKTTTC và các chủ TKTTTC phải chịu trách nhiệm về việc sử dụng TKTTTC và đồng ý ủy quyền cho ABBANK tự động hạn chế giao dịch/phong tỏa/trích tiền từ TKTTTC theo quy định của ĐKĐK này để thực hiện nghĩa vụ của một hoặc một số hoặc tất cả chủ TKTTTC tại ABBANK.
- f) Mỗi chủ TKTTTC có trách nhiệm thông báo cho các chủ TKTTTC khác về thông tin nhận được của ABBANK. Thông báo hoặc thông tin của ABBANK gửi cho mỗi chủ TKTTTC được coi như thông báo tới tất cả các chủ TKTTTC khác.
- g) Nếu ABBANK ký kết thỏa thuận với một chủ TKTTTC, thì thỏa thuận đó sẽ không miễn trừ hoặc giảm bớt các nghĩa vụ của các chủ TKTTTC còn lại.
- h) Nếu vì bất cứ lý do nào mà ĐKĐK này không áp dụng hoặc không được thực thi đối với một chủ TKTTTC, thì ĐKĐK này vẫn tiếp tục ràng buộc đối với các chủ TKTTTC còn lại.

Điều 11. Các trường hợp phải cập nhật, xác minh lại thông tin nhận biết KH

Khi nhận được thông báo của ABBANK, KH có nghĩa vụ thực hiện cung cấp thông tin và xuất trình các giấy tờ cần thiết theo yêu cầu của ABBANK trong các trường hợp sau:

- 11.1.** KH có các dấu hiệu đáng ngờ theo quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền.
- 11.2.** ABBANK có cơ sở nghi ngờ tính hợp pháp, hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ mở, TKTT của KH đã thu thập trước đây.
- 11.3.** Thông tin của người đại diện hợp pháp của KH có trong Danh sách đen theo quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền, danh sách nghi ngờ gian lận, lừa đảo của Hệ thống thông tin hỗ trợ quản lý, giám sát và phòng ngừa rủi ro gian lận trong hoạt động thanh toán của Ngân hàng Nhà nước hoặc danh sách KH liên quan nghi ngờ gian lận, lừa đảo, vi phạm pháp luật đã được Bộ Công an và cơ quan chức năng khác cung cấp (nếu có).
- 11.4.** KH thực hiện giao dịch mà thông tin liên quan đến TKTT, thông tin của KH bị sai lệch, không phù hợp với thông tin, dữ liệu của cơ quan có thẩm quyền.
- 11.5.** Các trường hợp khác theo thỏa thuận với ABBANK hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Phong tỏa và chấm dứt phong tỏa TKTT

12.1. ABBANK được quyền phong tỏa một phần hoặc toàn bộ số tiền có trên TKTT của KH khi phát sinh một trong các trường hợp sau:

- a) Khi có thỏa thuận giữa chủ TKTT và ABBANK;

- b) Khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật, thực hiện theo quy định về phòng chống rửa tiền tại ABBANK và quy định hiện hành của ABBANK về việc hướng dẫn phong tỏa, trích tiền theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- c) Khi ABBANK phát hiện có nhầm lẫn, sai sót khi ghi Có nhầm vào TKTT hoặc thực hiện theo yêu cầu hoàn trả lại tiền của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán chuyển tiền do có nhầm lẫn, sai sót so với lệnh thanh toán của bên chuyển tiền. Số tiền bị phong tỏa trên TKTT không vượt quá số tiền bị nhầm lẫn, sai sót;
- d) Khi ABBANK phát hiện có dấu hiệu bất thường trong quá trình mở và sử dụng TKTT;
- e) Khi ABBANK có cơ sở nghi ngờ TKTT của KH gian lận, vi phạm pháp luật;
- f) Khi có yêu cầu phong tỏa của một trong các chủ TKTTC trừ trường hợp có thỏa thuận trước bằng văn bản giữa ABBANK và các chủ TKTTC;
- g) Khi xảy ra các trường hợp theo quy định pháp luật về phòng, chống khủng bố; phòng chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;
- h) Các trường hợp khác theo thỏa thuận với ABBANK hoặc theo quy định của pháp luật.

12.2. ABBANK thực hiện thông báo về việc phong tỏa TKTT (bằng văn bản hoặc theo hình thức thông báo đã thỏa thuận tại hợp đồng mở, sử dụng TKTT) cho chủ tài khoản hoặc người đại diện theo pháp luật và người đại diện theo ủy quyền (nếu có), trừ trường hợp cơ quan có thẩm quyền có văn bản yêu cầu ABBANK không thông báo cho KH về việc phong tỏa TKTT.

12.3. Số tiền bị phong tỏa trên TKTT phải được bảo toàn và kiểm soát chặt chẽ theo nội dung phong tỏa. Trường hợp tài khoản bị phong tỏa một phần thì phần không bị phong tỏa vẫn được sử dụng bình thường.

12.4. Các trường hợp ABBANK chấm dứt phong tỏa TKTT:

- a) Kết thúc thời hạn phong tỏa;
- b) Theo thỏa thuận bằng văn bản giữa ABBANK và chủ TKTT;
- c) Có văn bản yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền về việc chấm dứt phong tỏa TKTT;
- d) ABBANK đã xử lý xong sai sót, nhầm lẫn về chuyển tiền;
- e) Khi có văn bản yêu cầu chấm dứt phong tỏa của tất cả các chủ TKTT chung hoặc theo thỏa thuận trước bằng văn bản giữa ABBANK và các chủ TKTT chung;
- f) Các trường hợp khác theo quy định của ABBANK và của pháp luật.

Điều 13. Đóng TKTT

13.1. ABBANK có quyền đóng TKTT trong trường hợp sau:

- a) Khi có yêu cầu đóng TKTT bằng văn bản của chủ tài khoản/các chủ tài khoản chung và chủ tài khoản/các chủ tài khoản chung đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ liên quan đến TKTT;

- b) Khi TKTT có số dư bằng 0 và không giao dịch trong vòng liên tục 12 tháng. Trường hợp này, ABBANK thực hiện thông báo cho KH 30 ngày trước khi đóng TKTT;
- c) Khi KH chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật;
- d) Khi KH vi phạm cam kết hoặc các thỏa thuận tại mẫu biểu đề nghị mở và sử dụng TKTT với ABBANK;
- e) Khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;
- f) Khi KH vi phạm hành vi bị cấm về tài khoản thanh toán theo quy định tại Điểm i) Khoản 15.2;
- g) Khi KH sử dụng giấy tờ giả, mạo danh để mở hoặc sử dụng TKTT cho mục đích lừa đảo, gian lận hoặc các hoạt động bất hợp pháp khác;
- h) Các trường hợp khác theo pháp luật và/hoặc thỏa thuận giữa ABBANK và KH.

13.2. ABBANK không chấp thuận yêu cầu đóng TKTT khi TKTT của KH đang bị phong tỏa hoặc khi KH chưa hoàn thành các nghĩa vụ trả nợ với ABBANK mà TKTT của KH vẫn còn số dư.

13.3. Số dư trước khi đóng TKTT tiên chi trả các khoản nợ đến hạn, quá hạn và các khoản lãi, chi phí hợp lệ khác phát sinh trong quá trình quản lý TKTT và cung ứng các dịch vụ thanh toán, dịch vụ khác theo quy định của ABBANK.

13.4. Số dư còn lại sau khi đóng TKTT sẽ chi trả theo yêu cầu của Chủ tài khoản, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc theo quy định của pháp luật.

13.5. Khi KH có yêu cầu đóng TKTT, KH phải lập yêu cầu đóng TK bằng văn bản và hoàn lại các tờ séc chưa sử dụng (nếu có).

13.6. Trường hợp sau thời hạn ABBANK thông báo mà KH không đến nhận số tiền còn lại trên TKTT, ABBANK sẽ giữ hộ số tiền này theo quy định của ABBANK và không trả lãi cho số tiền này trong thời gian giữ hộ.

Điều 14. Ủy quyền sử dụng TKTT

14.1. KH có thể ủy quyền cho người khác sử dụng TKTT theo quy định ABBANK và quy định của pháp luật. Trong thời gian ủy quyền, người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ ba, trừ trường hợp có thỏa thuận khác giữa KH và ABBANK.

14.2. Việc ủy quyền sử dụng TKTT phải lập thành văn bản (Giấy ủy quyền/Hợp đồng ủy quyền) và thực hiện thủ tục đăng ký chữ ký mẫu của người được ủy quyền theo quy định của ABBANK.

14.3. Trường hợp việc ủy quyền chấm dứt/thay đổi thì KH phải thông báo trước bằng văn bản cho ABBANK ít nhất 3 ngày làm việc, trước ngày thay đổi chính thức. Trường hợp KH vi phạm nghĩa vụ thông báo nêu trên thì phải chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thiệt hại phát sinh (nếu có).

Điều 15. Quyền hạn và nghĩa vụ của chủ tài khoản

15.1. Quyền hạn của chủ tài khoản

- a) Sử dụng số tiền (số dư) trên TKTT của mình để thực hiện các lệnh thanh toán hợp pháp, hợp lệ. Chủ TKTT được ABBANK tạo điều kiện để sử dụng TKTT của mình thuận tiện và an toàn;
- b) Lựa chọn sử dụng các phương tiện thanh toán, dịch vụ và tiện ích thanh toán do ABBANK cung ứng;
- c) Ủy quyền cho người khác sử dụng TKTT của mình theo đúng quy định của Pháp luật và của ABBANK từng thời kỳ;
- d) Yêu cầu ABBANK thực hiện các lệnh thanh toán hợp pháp, hợp lệ và được cung cấp thông tin về các giao dịch thanh toán, số dư trên TKTT của mình theo thỏa thuận với ABBANK;
- e) Được yêu cầu ABBANK phong tỏa, chấm dứt phong tỏa, đóng TKTT khi cần thiết; được gửi thông báo cho ABBANK về việc phát sinh tranh chấp về TKTT chung giữa các chủ TKTT chung;
- f) Được yêu cầu ABBANK hướng dẫn quản lý, sử dụng TKTT an toàn và giải đáp, xử lý các thắc mắc, khiếu nại trong quá trình mở và sử dụng TKTT theo thỏa thuận với ABBANK;
- g) Các quyền khác theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận trước bằng văn bản giữa chủ tài khoản với ABBANK không trái với quy định của pháp luật hiện hành.

15.2. Nghĩa vụ của chủ tài khoản

- a) Đảm bảo có đủ tiền (số dư) trên TKTT để thực hiện các lệnh thanh toán đã lập. Trường hợp có thỏa thuận thấu chi với ABBANK thì phải thực hiện các nghĩa vụ liên quan khi chi trả vượt quá số dư Có trên tài khoản;
- b) Chấp hành các quy định về mở và sử dụng TKTT theo quy định của Pháp luật và của ABBANK;
- c) Kịp thời thông báo cho ABBANK khi phát hiện thấy có sai sót, nhầm lẫn trên tài khoản của mình hoặc nghi ngờ tài khoản của mình bị lợi dụng;
- d) Hoàn trả hoặc phối hợp với ABBANK hoàn trả các khoản tiền do sai sót, nhầm lẫn đã ghi Có vào TKTT của mình;
- e) Cung cấp đầy đủ, rõ ràng, chính xác và trung thực các thông tin, tài liệu liên quan về mở và sử dụng TKTT thông qua các phương thức trao đổi thông tin với ABBANK hoặc các phương thức khác được ABBANK chấp nhận;
- f) Chịu trách nhiệm về những rủi ro phát sinh trong trường hợp cung cấp, cập nhật thông tin không đầy đủ, chính xác, trung thực, kịp thời và những thiệt hại do sai sót của mình gây ra;
- g) Duy trì số dư tối thiểu trên TKTT theo quy định của ABBANK;
- h) Thường xuyên kiểm tra số dư các TKTT, bảng kê các giao dịch phát sinh và sao kê TKTT, thông báo ngay cho ABBANK nếu có bất kỳ sự khác biệt, sai khác nào;
- i) Không được thực hiện những hành vi bị cấm về mở và sử dụng TKTT:

- Sửa chữa, tẩy xóa phương tiện thanh toán, chứng từ thanh toán không đúng quy định pháp luật; làm giả phương tiện thanh toán, chứng từ thanh toán; lưu giữ, lưu hành, chuyển nhượng, sử dụng phương tiện thanh toán giả;
 - Xâm nhập hoặc tìm cách xâm nhập, đánh cắp dữ liệu, phá hoại, làm thay đổi trái phép chương trình phần mềm, dữ liệu điện tử sử dụng trong thanh toán; lợi dụng lỗi hệ thống mạng máy tính để trục lợi;
 - Cung cấp không trung thực thông tin có liên quan đến việc cung ứng hoặc sử dụng dịch vụ thanh toán;
 - Tiết lộ, cung cấp thông tin về số dư trên TKTT và các giao dịch thanh toán của chính chủ TK và của KH khác tại ABBANK không đúng theo quy định của pháp luật;
 - Mở hoặc duy trì TKTT nặc danh, mạo danh; mua, bán, thuê, cho thuê, mượn, cho mượn TKTT; lấy cắp, thông đồng để lấy cắp, mua, bán thông tin TKTT;
 - Phát hành, cung ứng và sử dụng các phương tiện thanh toán không hợp pháp;
 - Thực hiện, tổ chức thực hiện hoặc tạo điều kiện thực hiện các hành vi: sử dụng, lợi dụng TKTT, phương tiện thanh toán, dịch vụ thanh toán để đánh bạc, tổ chức đánh bạc, gian lận, lừa đảo, kinh doanh trái pháp luật và thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật khác;
 - Chủ tài khoản có TKTT nhưng cung cấp thông tin hoặc cam kết không có TKTT cho ABBANK, các bên có quyền, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật về giải ngân vốn cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.
- j) KH có trách nhiệm thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn, bảo mật trong sử dụng TKTT bao gồm tối thiểu các biện pháp sau:
- Thông báo cho ABBANK ngay lập tức trong trường hợp bị chiếm đoạt trái phép TKTT hoặc nghi ngờ bị chiếm đoạt trái phép TKTT;
 - Không tiết lộ thông tin TKTT, thông tin xác thực giao dịch thanh toán dưới bất kỳ hình thức nào, với bất kỳ người nào khác;
 - Tự bảo vệ các bí mật thông tin tài khoản, giao dịch để đảm bảo an toàn, bảo mật trong giao dịch thanh toán; thông báo kịp thời cho ABBANK khi phát hiện thấy có sai sót, nhầm lẫn trong giao dịch thanh toán hoặc nghi ngờ thông tin giao dịch bị lợi dụng;
 - Chủ động tìm hiểu và tuân thủ đúng tất cả các hướng dẫn, bản tin cảnh báo, bản cập nhật ĐKĐK này mà ABBANK đăng tải trên website của ABBANK, hoặc gửi cho KH bằng SMS/email, hoặc niêm yết tại điểm giao dịch của ABBANK. KH đồng ý rằng việc KH không tìm hiểu hoặc không tuân thủ hoặc không thường xuyên cập nhật nội dung này có thể gây ra rủi ro và thiệt hại cho KH mà miễn trừ toàn bộ trách nhiệm cho ABBANK khi KH không tuân thủ trách nhiệm này.

- k) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận trước bằng văn bản giữa chủ tài khoản với ABBANK không trái với quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 16. Quyền hạn và nghĩa vụ của ABBANK

16.1. Quyền hạn của ABBANK

- a) ABBANK được chủ động phong tỏa hoặc chấm dứt phong tỏa và/hoặc trích (ghi Nợ) tiền từ TKTT của khách hàng và thông báo cho chủ tài khoản trong trường hợp:
- Để thu các khoản nợ đến hạn, quá hạn, tiền lãi và các chi phí phát sinh trong quá trình quản lý tài khoản và cung ứng các dịch vụ thanh toán theo thỏa thuận trước bằng văn bản với khách hàng phù hợp quy định của pháp luật;
 - Theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc cưỡng chế thi hành quyết định về xử phạt vi phạm hành chính, quyết định thi hành án, quyết định thu thuế hoặc thực hiện các nghĩa vụ thanh toán khác theo quy định của pháp luật;
 - Để điều chỉnh các khoản mục bị hạch toán sai, hạch toán không đúng bản chất hoặc không phù hợp với nội dung sử dụng của TKTT theo quy định của pháp luật;
 - Khi phát hiện đã ghi Có nhầm vào tài khoản của khách hàng, hoặc theo yêu cầu hủy lệnh chuyển Có của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán chuyển tiền do tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán chuyển tiền phát hiện thấy có sai sót so với lệnh thanh toán của người chuyển tiền;
 - Để chi trả các khoản thanh toán thường xuyên, định kỳ theo thỏa thuận giữa chủ tài khoản với ABBANK;
 - Các trường hợp khác theo quy định của ABBANK và của Pháp luật theo từng thời kỳ.
- b) Từ chối thực hiện lệnh thanh toán của chủ tài khoản trong trường hợp:
- Lệnh thanh toán không hợp pháp, hợp lệ;
 - Chủ tài khoản không thực hiện đầy đủ các yêu cầu về thủ tục thanh toán hoặc yếu tố trên lệnh thanh toán không khớp đúng với các yếu tố đã đăng ký trong hồ sơ mở TKTT hoặc không phù hợp với các thỏa thuận giữa chủ tài khoản với ABBANK;
 - TKTT không có đủ số dư hoặc vượt hạn mức thấu chi để thực hiện (các) lệnh thanh toán;
 - TKTT đang bị phong tỏa toàn bộ hoặc TKTT đang bị đóng, TKTT bị phong tỏa một phần mà phần không bị phong tỏa không có đủ số dư (trừ trường hợp được thấu chi) hoặc vượt hạn mức thấu chi để thực hiện các lệnh thanh toán;
 - Khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc có bằng chứng về việc giao dịch thanh toán nhằm rửa tiền, tài trợ khủng bố theo quy định của pháp luật về phòng chống rửa tiền;

- Chủ tài khoản vi phạm các hành vi bị cấm theo quy định tại Điểm i) Khoản 15.2 của ĐKDK này;
 - Chủ tài khoản từ chối cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ về nhận biết KH theo yêu cầu của ABBANK hoặc khi có nghi ngờ về tính trung thực của thông tin và mục đích giao dịch đối với các giao dịch đặc biệt phải giám sát theo quy định của pháp luật phòng, chống rửa tiền;
 - KH không phối hợp hoặc chậm trễ phối hợp cập nhật, xác minh lại thông tin nhận biết khách hàng theo yêu cầu của ABBANK;
 - Các trường hợp khác theo thỏa thuận giữa chủ tài khoản với ABBANK bao gồm: trường hợp TKTT có dấu hiệu liên quan đến lừa đảo gian lận, phục vụ cho mục đích bất hợp pháp theo quy định của ABBANK và pháp luật;
- c) Từ chối yêu cầu đóng tài khoản, phong tỏa tài khoản của chủ tài khoản hoặc các chủ tài khoản thanh toán chung theo quy định khi (các) chủ tài khoản chưa hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo quyết định cưỡng chế của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chưa thanh toán xong các khoản nợ phải trả cho ABBANK mà TKTT vẫn còn số dư hoặc không đúng theo thỏa thuận bằng văn bản với ABBANK trước đó.
- d) Quy định về số dư tối thiểu trên TKTT, phạm vi sử dụng, cách thức sử dụng, hạn mức giao dịch trên TKTT và thông báo công khai, hướng dẫn cụ thể để khách hàng biết;
- e) TKTT bị phong tỏa theo quy định của pháp luật về phòng, chống khủng bố; phòng chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;
- f) Quy định và áp dụng các biện pháp đảm bảo an toàn, bảo mật trong quá trình mở và sử dụng TKTT phù hợp các quy định của pháp luật;
- g) Trong trường hợp cần thiết, ABBANK có quyền yêu cầu KH hoặc người được KH ủy quyền xác nhận giao dịch, xác nhận chứng từ giao dịch, xác nhận thông tin KH.
- h) Tạm ngừng và xem xét bất kỳ giao dịch nào (bao gồm nhưng không giới hạn) mà tên người chỉ định có thể liên quan đến một cái tên của một cá nhân hoặc một tổ chức bị cấm vận; đồng thời, sẽ không chịu trách nhiệm cho mọi thua lỗ từ việc chậm hoặc ngừng thực hiện giao dịch này;
- i) Cung cấp thông tin cá nhân, các thông tin liên quan đến tài khoản của khách hàng theo văn bản yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc theo thỏa thuận đã cam kết giữa khách hàng và ABBANK mà không cần phải thông báo trước hoặc sau cho khách hàng;
- j) Được quyền tạm dừng giao dịch trên tài khoản thanh toán của khách hàng đối với các trường hợp giấy tờ tùy thân của khách hàng hết hiệu lực hoặc hết thời hạn sử dụng sau khi đã thông báo cho khách hàng tối thiểu 30 ngày trước ngày hết hiệu lực của giấy tờ tùy thân;
- k) Các quyền khác theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận trước bằng văn bản giữa chủ tài khoản với ABBANK không trái với quy định của pháp luật hiện hành.

16.2. Nghĩa vụ của ABBANK

- a) Thực hiện lệnh thanh toán của chủ tài khoản sau khi đã kiểm tra, kiểm soát tính hợp pháp, hợp lệ của lệnh thanh toán;
- b) Lưu giữ và cập nhật đầy đủ các mẫu chữ ký, mẫu dấu (nếu có) của KH đã đăng ký (chủ tài khoản, người đại diện sử dụng TKTT của tổ chức, kế toán trưởng hoặc người phụ trách kế toán (nếu có) và những người được ủy quyền) để kiểm tra, đối chiếu trong quá trình sử dụng TKTT;
- c) Ghi Có vào TKTT của khách hàng kịp thời các lệnh thanh toán chuyển tiền đến, nộp tiền mặt vào tài khoản; hoàn trả kịp thời các khoản tiền do sai sót đã ghi Nợ đối với TKTT của khách hàng; phối hợp hoàn trả các khoản tiền đã được xác định chuyển nhầm vào TKTT của KH theo đề nghị của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phục vụ bên chuyển tiền do sai sót so với lệnh thanh toán của người chuyển tiền đã lập;
- d) Thông tin đầy đủ, kịp thời về số dư, các giao dịch, chứng từ của các giao dịch phát sinh trên TKTT và việc phong tỏa TKTT bằng văn bản hoặc theo các hình thức khác (được quy định tại hợp đồng mở, sử dụng TKTT) và chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với những thông tin mà mình cung cấp;
- e) Cập nhật thông tin KH khi có thông báo thay đổi thông tin trong hồ sơ mở TKTT hoặc khi có nghi ngờ về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin nhận biết KH đã thu thập trước đó đảm bảo thông tin cập nhật được xác minh đầy đủ theo quy định và kịp thời cập nhật, xác minh thông tin nhận biết KH khi xác định KH có mức độ rủi ro cao theo quy định của ABBANK. Bảo quản lưu trữ hồ sơ mở TKTT và các chứng từ giao dịch qua tài khoản theo đúng quy định của pháp luật;
- f) Bảo mật các thông tin của KH hoặc dữ liệu cá nhân do KH cung cấp, các thông tin liên quan đến TKTT và giao dịch trên TKTT của chủ tài khoản theo quy định của pháp luật;
- g) Chịu trách nhiệm về những thiệt hại phát sinh trong trường hợp:
 - Thiệt hại do sai sót hoặc do lỗi của ABBANK bao gồm việc không tuân thủ đúng quy định pháp luật về an toàn, bảo mật trong cung cấp dịch vụ;
 - Thiệt hại do ABBANK không thực hiện đúng yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền về xử lý các trường hợp liên quan đến gian lận, lừa đảo, vi phạm pháp luật;
 - Thiệt hại do ABBANK không áp dụng biện pháp xử lý theo quy định nội bộ về quản lý rủi ro trong mở và sử dụng TKTT khi nhận được văn bản thông báo của cơ quan có thẩm quyền về việc KH, TKTT của KH liên quan đến gian lận, lừa đảo, vi phạm pháp luật;
- h) Tuân thủ quy định pháp luật phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố và không thực hiện các hành vi bị cấm về mở và sử dụng TKTT theo quy định tại Điểm i) Khoản 15.2 của ĐKĐK này;
- i) Hướng dẫn KH sử dụng TKTT an toàn, sử dụng đúng số hiệu tài khoản (số TKTT), tên TKTT trong thỏa thuận mở và sử dụng TKTT khi thực hiện giao dịch thanh toán, thông báo, giải thích cho KH về hành vi bị cấm trong mở, sử dụng TKTT và

giải đáp, xử lý kịp thời thắc mắc, khiếu nại của KH trong mở và sử dụng TKTT theo thỏa thuận giữa chủ TKTT với ABBANK.

- j) Ban hành quy định nội bộ về mở, sử dụng TKTT tại ABBANK; hướng dẫn, thông báo công khai về hồ sơ, trình tự, thủ tục mở, sử dụng TKTT và quy định về xử lý tra soát, khiếu nại, mẫu giấy đề nghị tra soát khiếu nại để KH biết và thực hiện để khách hàng biết và thực hiện.
- k) Theo dõi thời hạn hiệu lực giấy tờ tùy thân của khách hàng và người liên quan trong quá trình sử dụng tài khoản; thông báo cho khách hàng tối thiểu 30 ngày trước ngày hết hiệu lực của giấy tờ tùy thân để kịp thời yêu cầu khách hàng cập nhật, bổ sung thông tin;
- l) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận trước bằng văn bản giữa chủ tài khoản với ABBANK không trái với quy định của pháp luật hiện hành.